

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/DS-PT

Ngày 20-3-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

Bà Đặng Thị Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Song Tố Như.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 20 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2018/TLPT- DS ngày 27 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lâm Kh, sinh năm 1990, vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989, có mặt.

Cùng cư trú tại: Tổ 18, ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1953; cư trú tại: Số 230, khu phố T, phường S, thành phố N, tỉnh Tây Ninh, (theo văn bản ủy quyền ngày 11-7-2018), có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1966, có mặt.

Anh Nguyễn Minh Kh, sinh năm 1990, có mặt.

Cùng cư trú tại: Số 280, tổ 12, ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của anh Kh: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1966; cư trú tại: Số 280, tổ 12, ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh, (theo văn bản ủy quyền ngày 25-6-2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà Nh: Bà Lê Nguyễn Kim

H, Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Nguyễn Kim H, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963; cư trú tại: Số 280, tổ 12, ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Bà Nguyễn Thị Nh sinh năm 1966; cư trú tại: Số 280, tổ 12, ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh, (theo văn bản ủy quyền ngày 25-6-2018), có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ 4, ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh, (Tòa án không triệu tập)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Bà Nguyễn Thị Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 01/2014 đến tháng 09/2016, vợ chồng Bà Nh, ông H và con là anh Nguyễn Minh Kh có vay của anh, chị nhiều lần. Mỗi lần giao tiền cho Bà Nh, chị L chỉ ghi vào sổ để theo dõi, không yêu cầu Bà Nh ký tên. Việc giao nhận tiền là tại nhà chị L khi thì giao tiền trực tiếp cho Bà Nh, có lúc giao cho Bà Nh, anh Kh và có lần Bà Nh điện thông báo sau đó anh Kh đến nhận tiền. Đến ngày 08-9-2016, hai bên thống nhất số nợ còn lại số tiền 678.400.000 đồng và Bà Nh có ký tên trong giấy biên nhận cho mượn tiền, anh Kh ký tên người làm chứng. Sau khi lập giấy biên nhận ngày 08-9-2016 thì chị đã bỏ quyền sổ theo dõi việc vay tiền của Bà Nh nên hiện anh chị không nhớ thời gian và số tiền cụ thể từng lần Bà Nh vay

Khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả, thỏa thuận lãi suất là 4%. Từ khi vay đến nay, Bà Nh, ông H trả lãi cho anh, chị nhiều lần nhưng trả không đủ tiền lãi theo thỏa thuận. Mỗi lần Bà Nh trả tiền lãi, chị L đều viết giấy xác nhận và giao cho Bà Nh giữ. Những tờ giấy đóng tiền lãi do Bà Nh giao nộp cho Tòa đều là do chị L viết. Anh, chị xác nhận từ năm 2014 cho đến nay, Bà Nh có trả cho anh, chị tổng số tiền lãi là 136.800.000 đồng. Đối với số tiền 30.000.000 đồng ngày 30-11-2017 là tiền chị L cho Bà Nh vay theo hình thức vay trả góp, chị ghi nội dung “Hôm nay là 30/11/2017: 30.000 triệu góp” để Bà Nh biết trả cho chị. Do đó, số tiền 678.400.000 đồng không bao gồm 30.000.000 đồng trên,

Nay, anh chị L khởi kiện yêu cầu Bà Nh, ông H và anh Kh cùng liên đới trả số tiền 678.400.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08-9-2016 đến ngày Tòa án giải quyết với mức lãi suất là 1,67%/tháng. Trường hợp số tiền lãi mà Bà Nh đã trả cho anh, chị vượt quá lãi suất theo quy định thì anh, chị đồng ý trừ vào tiền nợ gốc

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày số tiền 678.400.000 đồng là Bà Nh vay của anh Kh, chị L, thực tế anh Kh ký tên trong giấy nợ chỉ với tư cách là người làm chứng nên anh Kh, chị L không yêu cầu anh Kh cùng có trách nhiệm trả nợ.

Đối với chồng Bà Nh là ông Nguyễn Văn H mặc dù không biết việc Bà Nh vay tiền của anh Kh, chị L, nhưng việc Bà Nh vay tiền là để làm ăn, mua đất và phục vụ mục đích chung trong gia đình, hơn nữa Bà Nh và ông H là vợ chồng nên ông H cũng phải chịu trách nhiệm đối với những giao dịch do Bà Nh thực hiện, nên yêu cầu ông H cùng có trách nhiệm liên đới trả số nợ trên cho anh Kh, chị L.

Tại văn bản ngày 18/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày:

Bà thừa nhận từ tháng 01/2014 đến tháng 09/2016, bà có vay tiền của anh Lâm Kh và chị Nguyễn Thị L nhiều lần, do thời gian đã lâu nên bà không nhớ thời điểm và số tiền cụ thể của từng lần vay. Khi vay 02 bên không lập văn bản. Bà nhớ chỉ vay của vợ chồng anh Kh số tiền 150.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả, lãi suất 4%/tháng. Đến ngày 8/9/2016 hai bên chốt nợ số tiền 678.400.000 đồng và bà có ký tên trong biên nhận cho mượn tiền do chị L lập. Tuy nhiên trong số tiền trên số tiền gốc chỉ có 150.000.000 đồng còn lại là tiền lãi, cụ thể từ năm 2015 chị L nhập tiền gốc, tiền lãi là 270.000.000 đồng và yêu cầu bà trả lãi 4%/tháng đối với số tiền 270.000.000 trên. Đến năm 2016, số tiền nợ 270.000.000 đồng và tiền lãi tổng cộng 520.000.000 đồng. Ngày 8/9/2016, chị L nhận số tiền lãi và gốc là 678.400.000 đồng. Việc chị L nhập số tiền lãi vào nợ gốc và tiếp tục tính tiền lãi, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến nay, bà có trả tiền lãi cho chị L theo mức lãi suất 4%/tháng, số tiền 136.800.000 đồng và anh Kh, chị L còn nhận của bà số tiền góp trả lãi ngày 30/11/2017 là 30.000.000 đồng, tổng cộng số tiền lãi bà đã trả cho chị L là 166.800.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho anh Kh, chị L số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất là 1,67%/tháng từ ngày 01/01/2014 cho đến nay, nhưng bà yêu cầu trừ số tiền lãi 166.800.000 đồng mà bà đã trả cho vợ chồng anh Kh, đối với số tiền còn lại là không đồng ý trả.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2018, anh Nguyễn Minh Kh trình bày: Anh không vay tiền của anh Kh, chị L. Anh có biết việc mẹ anh là Bà Nh vay tiền của anh Kh, chị L nhưng cụ thể Bà Nh vay và đã trả được bao nhiêu tiền cho anh Kh, chị L thì anh không biết. Nhưng mẹ anh vay tiền của anh Kh, chị L là vay dùm cho cậu anh là Nguyễn Thành C. Vào năm 2015, Bà Nh có kêu anh đến nhà anh Kh để nhận tiền dùm cho anh Cương nhưng anh không nhớ chính xác đã nhận bao nhiêu tiền, chỉ nhớ là khoảng 30.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền giữa anh với anh Kh, chị L không lập văn bản. Ngày 08-9-2018, anh có ký tên trong giấy nợ và giấy biên nhận cho mượn tiền theo yêu cầu của chị L nhưng anh chỉ ký với tư cách là người làm chứng nên anh không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của anh Kh, chị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2018, ông Nguyễn Văn H trình bày: Việc Bà Nh vay tiền của anh Kh, chị L và việc Bà Nh sử dụng số tiền đã vay vào mục đích gì ông hoàn toàn không biết, nên ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của anh Kh, chị L.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2018, người làm chứng anh Nguyễn Thành C trình bày: Trong năm 2014, do anh nhận đầu công để đi làm mía và làm mì nên anh có vay tiền của chị ruột là bà Nguyễn Thị Nh nhiều lần. Khi vay không thời hạn và có lãi suất là 6%/tháng. Cụ thể anh đã vay của Bà Nh tổng cộng bao nhiêu lần thì anh không nhớ do việc vay tiền và trả tiền được thực hiện nhiều lần, nhưng đến khoảng năm 2016 anh và Bà Nh chốt lại số tiền thì xác định anh còn nợ Bà Nh số tiền 120.000.000 đồng, trong đó 60.000.000 đồng là tiền nợ gốc và 60.000.000 đồng là tiền lãi. Sau khi vợ chồng anh ly hôn, anh có bán đất và trả hết nợ cho Bà Nh. Hiện nay không còn nợ tiền gì của Bà Nh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 474, 476 và 477 của Bộ luật Dân sự 2005;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Kh và chị Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn H phải liên đới trả cho anh Lâm Kh, chị Nguyễn Thị L tổng số tiền 738.505.600 đồng (Bảy trăm ba mươi tám triệu năm trăm linh năm nghìn sáu trăm đồng).

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 05/2018/QĐ-BPKCTT ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/11/2018 bà Nguyễn Thị Nh có đơn kháng cáo cho rằng bà không vay số tiền nợ gốc là 678.400.000 đồng, số tiền đã trả cho chị L là 374.960.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định số tiền lãi bà trả cho chị L là 136.800.000 đồng là chưa chính xác, bà có trả thêm tiền lãi cho chị L 30.000.000 đồng. Ngoài ra, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị L là 678.000.000 đồng nhưng buộc bà trả số tiền 678.400.000 đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện của chị L. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận nguyện vọng của bà.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lê Nguyễn Kim H trình bày ý kiến: Giao dịch vay mượn giữa vợ chồng chị L và Bà Nh là có thật. Số tiền 678.400.000 đồng theo giấy biên nhận cho mượn tiền thì tiền gốc là 150.000.000 đồng, lãi cộng dồn là 270.000.000 đồng. Sau đó lãi tiếp tục cộng dồn là 678.400.000 đồng. Giấy biên nhận cho mượn tiền ngày 8/9/2016 Bà Nh ký là để làm tin. Đơn khởi kiện chị L yêu cầu trả số tiền 678.000.000 đồng, quyết định của Tòa án buộc trả số tiền 678.400.000 đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Hơn nữa quá trình vay mượn Bà Nh đã thanh toán cho chị L số tiền 374.960.000 đồng, có biên nhận thanh toán từ bút lục 17 đến 22 nên cần xem xét khấu trừ cho Bà Nh. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của Bà Nh, hủy án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Tại đơn khởi kiện chị L, anh Kh yêu cầu Bà Nh trả số tiền 678.000.000 đồng, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm buộc trả số tiền 678.400.000 đồng là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận 01 phần kháng cáo Bà Nh sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, xét thấy:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Nh thì thấy rằng:

[1] Quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản lấy lời khai ngày 20-6-2018 bà Nguyễn Thị Nh thừa nhận bà có ký tên và giấy nợ ngày 8-9-2016 và bà thừa nhận có nợ vợ chồng anh Kh, chị L tổng số tiền 678.400.000 đồng nhưng trong số nợ trên chỉ có 150.000.000 đồng tiền gốc còn lại là tiền lãi. Tuy nhiên, theo nội dung giấy nợ ngày 8-9-2016 (bút lục 34) và biên nhận cho mượn tiền ngày 8-9-2016 (bút lục 120) thể hiện “ Anh Kh, chị L có cho bà Nguyễn Thị Nh mượn số tiền để làm ăn là 678.000.000 đồng” nội dung các biên nhận trên không thể hiện trong số tiền 678.400.000 đồng có bao gồm tiền lãi như Bà Nh trình bày.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà Nh cho rằng số tiền 136.800.000 đồng đã trả theo giấy viết tay bút lục 68 là khoản tiền mà các bên đã thống nhất tại phiên tòa sơ thẩm, xét lời trình bày của Bà Nh thì thấy rằng số tiền theo giấy viết tay trên cộng lại không phù hợp với số tiền 136.800.000 đồng, giấy viết tay có thể hiện chữ “R”, tại Tòa án cấp sơ thẩm Bà Nh được công khai chứng cứ nhưng không có ý kiến về số tiền trên mà chỉ có ý kiến đôi với số tiền trả góp 30/11/2017.

Đối với yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đã trả 344.960.000 đồng (bút lục 17-22) thì thấy rằng tại biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm các bên thống nhất số tiền đã trả là 136.800.000 đồng, các giấy viết tay trên thể hiện số tiền lãi đã trả khi trả chị L có thể hiện trừ và ghi chữ “trả”, số tiền đã trả cộng lại là 136.800.000 đồng như số tiền các bên thống nhất. Bà Nh cho rằng số tiền đã trả có số tiền 96.000.000 đồng tiền hui, tuy nhiên giấy viết tay (bút lục 17-18) có thể hiện số tiền 20.800.000 đồng là tiền lãi phải trả không phải số tiền hui, mặc khác chị L chỉ thừa nhận số tiền hui 73.800.000 đồng của dây hui ngày 6-6-2017 và đồng ý khấu trừ trong tổng số tiền 136.800.000 đồng các bên thống nhất. Bà Nh không có chứng cứ chứng minh ngoài dây hui trên giữa Bà Nh và chị L có giao dịch hui khác để căn trừ nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền Bà Nh đã trả là 136.800.000 đồng là có căn cứ.

Riêng đối với số tiền 30.000.000 đồng trả góp ngày 30/11/2017, chị L cho rằng là khoản tiền Bà Nh vay trả góp thì thấy rằng Bà Nh không thừa nhận nợ tiền góp chị L, giấy viết tay trên được lập sau ngày 8/9/2016 thống nhất số nợ 678.400.000 đồng, chị L thừa nhận giấy viết là của chị, chị không có chứng cứ chứng minh Bà Nh có nợ chị số tiền trên. Hơn nữa ngày 1/5/2018 (bút lục 19), chị L xác định số nợ vẫn là 678.000.000 đồng nên việc Bà Nh cho rằng đây là số tiền lãi bà trả cho chị L là có căn cứ chấp nhận, cần khấu trừ vào số tiền lãi Bà Nh, ông H phải trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cho rằng số tiền Bà Nh nợ vợ chồng chị L, ông không biết, không liên quan. Tuy nhiên, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ông không có kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị L và người đại diện theo ủy quyền tự nguyện rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Bà Nh thanh toán số tiền 678.000.000 đồng là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, số tiền lãi được tính lại cụ thể như sau $678.000.000 \text{ đồng} \times 1.125\%/\text{tháng} \times 25 \text{ tháng} \times 21 \text{ ngày} = 196.026.700 \text{ đồng}$ và khấu trừ tiền lãi đã trả 136.800.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền đã trả (bút lục 68). Do đó, số tiền lãi Bà Nh, ông H phải trả cho chị L, anh Kháng là 29.226.700 đồng

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của Bà Nh, sửa bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Nh được chấp nhận 01 phần nên Bà Nh không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ các Điều 474, 476 và 477 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Kh và chị Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn H phải liên đới trả cho anh Lâm Kh, chị Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 678.000.000 đồng và 29.226.700 đồng tiền

lãi, tổng cộng số tiền 707.226.700 đồng (Bảy trăm lẻ bảy triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 05/2018/QĐ-BPKCTT ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Văn H phải liên đới chịu 32.289.000 đồng (Ba mươi hai triệu hai trăm tám mươi chín triệu đồng).

Anh Lâm Kh, chị Nguyễn Thị L không phải chịu tiền án phí sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh Kh, chị Nhung số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.560.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0018548 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Án phí phúc thẩm: Bà Nh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho Bà Nh 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019160 ngày 12/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp quyết định được thi hành án th

eo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án

có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Phượng